

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Thành

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 422/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Trương Thị Mỹ H, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Trương Thị Mỹ H trình bày:

Do quen biết nên bà và ông Trần Tuấn A đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2021, có tổ chức cưới hỏi, được gia đình 2 bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 19/5/2021. Sau khi cưới bà và ông Tuấn A sống tại ấp A xã T huyện C. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Tuấn A không chăm lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, chỉ có bản thân bà lo lắng, chăm sóc gia đình, nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Bà và ông Tuấn A không còn sống chung nhà từ tháng 4/2024, hiện bà sống tại nhà của cha mẹ ruột. Từ đó đến nay bà và ông Tuấn A không có gặp nhau cũng không bên nào có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay bà xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn yêu thương ông Tuấn A nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tuấn A.

Về con chung: bà và ông Tuấn A có 01 con chung tên Trần Lê Anh H1, sinh ngày 28/11/2021, hiện con chung đang sống cùng với bà, về con chung sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng và yêu cầu ông Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Tuấn A không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Trần Tuấn A vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh P– đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Trương Thị Mỹ H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà Lê Trương Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần Tuấn A. Về con chung: có 01 con chung tên Trần Lê Anh H1, sinh ngày 28/11/2021, giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Lê Trương Thị Mỹ H cung cấp trong vụ án là: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao CCCD của bà H và ông Tuấn A, bản sao giấy khai sinh con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Trương Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Tuấn A. Ông Tuấn A cư trú tại ấp A xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Lê Trương Thị Mỹ H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản xác minh của Công an xã T, huyện C, tỉnh Long An xác nhận ông Trần Tuấn A có đăng ký thường trú và hiện tại có mặt tại địa phương. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Tuấn A, ông Tuấn A đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông Tuấn A.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà H, thấy rằng: bà H và ông Tuấn A xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2021, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/5/2021 nên hôn nhân của bà H và ông Tuấn A là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Tuấn A không chăm lo cho gia đình, chỉ có bản thân bà lo lắng, chăm sóc gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 4/2024, bà H và ông Tuấn A không còn sống chung với nhau nữa. Từ đó đến nay bà H và ông Tuấn A không có gặp nhau cũng không ai có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Tuấn A.

Về phía ông Tuấn A, từ khi bà H nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H nhưng ông Tuấn A cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông Tuấn A không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà H đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Tuấn A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp.

[3] Về con chung: bà H và ông Tuấn A có 01 con chung tên Trần Lê Anh H1, sinh ngày 28/11/2021, hiện đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Mức cấp dưỡng nuôi con theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định “Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Căn cứ vào Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ: Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì mức lương tối thiểu vùng hiện nay của huyện C là 4.410.000 đồng.

Tuy nhiên bà H chỉ yêu cầu ông Tuấn A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, xét thấy phù hợp với quy định pháp luật. Do đó buộc ông Tuấn A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Lê Trương Thị Mỹ H trình bày: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Lê Trương Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Trương Thị Mỹ H về việc “Ly hôn” với ông Trần Tuấn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Trương Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần Tuấn A.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Trần Lê Anh H1, sinh ngày 28/11/2021. Giao con chung cho bà Lê Trương Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Trần Tuấn A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Lê Anh H1, sinh ngày: 28/11/2021 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Trương Thị Mỹ H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012073 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Bà Lê Trương Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Lê Trương Thị Mỹ H và ông Trần Tuấn A vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm

